

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘC CHÂU
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 25-12-2017.
V/v Xin ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC CHÂU, TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Đức.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Đình Bản và bà Lê Thị Chanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Trang, thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thanh Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 52/2017/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2017 về xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Hà Thị N, sinh năm: 1990. Địa chỉ: Bản S, xã T, huyện M, tỉnh Sơn La. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn D, sinh năm: 1993. Địa chỉ: Buôn K, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 05/12/2017 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Hà Thị N trình bày như sau:

Chị Hà Thị N và anh Nguyễn Văn D kết hôn với nhau vào ngày 10/12/2012. Khi kết hôn hai anh, chị đã đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không thuộc các trường hợp cấm kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Sơn La. Sau ngày kết hôn hai

anh, chị về sống chung với gia đình bố mẹ chị N. Cuộc sống chung của vợ chồng hoà thuận hạnh phúc đến tháng 01 năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách, quan điểm sống của hai vợ chồng không hợp nên thường xuyên cãi chửi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình và chính quyền địa phương hòa giải nhưng không đạt kết quả. Anh Nguyễn Văn D đã bỏ về quê sinh sống nên hai anh chị sống ly thân từ đó cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị N làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu giải quyết cho chị được ly hôn với anh D.

Nghề nghiệp hiện nay của chị N là trồng trọt, mức thu nhập bình quân một tháng là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị N và anh D có 01 con chung là cháu Nguyễn Công D - Sinh ngày: 30/8/2012. Trường hợp ly hôn chị N xin được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu D đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị N không yêu cầu anh D phải có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về vay nợ chung: Không có.

Về án phí: Chị N tự nguyện xin chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Tại đơn xin lựa chọn Tòa án và giải quyết, xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Văn D trình bày:

Anh D lựa chọn và đề nghị Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu giải quyết, xét xử vụ án xin ly hôn giữa anh và chị N.

Anh D và chị N kết hôn với nhau vào ngày 10/12/2012 trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống hai anh chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách quan điểm sống không hợp nhau nên anh D đã bỏ về quê ở buôn K, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk sinh sống cho đến nay, hai anh chị đã không còn đi lại thăm hỏi nhau nữa. Hiện nay chị N có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, anh D nhất trí ly hôn với chị N.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị N và anh D có 01 con chung là cháu Nguyễn Công D - Sinh ngày: 30/8/2012 hiện đang ở với chị N. Trường hợp ly hôn anh D nhường quyền nuôi con chung cho chị N đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không có.

Về vay nợ chung: Không có.

Do anh D bận công việc nên không thể tham gia giải quyết, xét xử vụ án ly hôn được, anh D đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

Ý kiến của đại diện VKSND huyện Mộc Châu như sau:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký Tòa án: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử, nghị án Thẩm phán và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án như sau:

Áp dụng khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Xử cho chị Hà Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Văn D.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Công D - Sinh ngày: 30/8/2012 cho chị Hà Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Tạm hoãn việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Nguyễn Văn D. Không ai được cản trở quyền trông nom, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

- Về án phí: Chị Hà Thị N chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 06 tháng 11 năm 2017 bị đơn anh Nguyễn Văn D đã có đơn xin lựa chọn Tòa án giải quyết là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu.

Bị đơn anh Nguyễn Văn D vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị N và anh Nguyễn Văn D kết hôn với nhau vào ngày 10/12/2012. Khi kết hôn anh, chị đã đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không thuộc các trường hợp cấm kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Sơn La. Vì vậy quan hệ hôn nhân của chị N và anh D là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Sau ngày kết hôn chị N và anh D về sống chung với gia đình bố mẹ chị N. Cuộc sống chung của vợ chồng hoà thuận hạnh phúc đến tháng 01 năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách, quan điểm sống của hai vợ chồng không hợp nên thường xuyên cãi chửi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình và chính quyền địa phương hòa giải nhưng không đạt kết quả. Anh Nguyễn Văn D đã bỏ về quê sinh sống nên hai anh chị sống ly thân từ đó cho đến nay.

Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị N được ly hôn với anh D.

[3] Về con chung: Chị N và anh D có 01 con chung là cháu Nguyễn Công D - Sinh ngày: 30/8/2012. Chị N xin được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu D đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

Xét thấy, chị N có nơi cư trú, có công việc và thu nhập ổn định. Sau khi ly thân, cháu D trực tiếp do chị N nuôi dưỡng. Anh D cũng nhất trí nhường quyền nuôi dưỡng con chung cho chị N. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung cần giao cháu D cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Về trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung, do chị N không có yêu cầu đề nghị gì, do đó cần tạm hoãn việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con đối với anh D.

[4] Về tài sản chung: Không có.

[5] Về vay nợ chung: Không có.

[6] Về án phí: Chị Hà Thị N chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Xử cho chị Hà Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Văn D.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Công D - Sinh ngày: 30/8/2012 cho chị Hà Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Tạm hoãn việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Nguyễn Văn D. Không ai được cản trở quyền trông nom, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

3. Về án phí: Chị Hà Thị N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Sơn La theo biên lai thu tiền số 03843 ngày 04 tháng 12 năm 2017.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Mộc Châu;
- Chi cục THADS huyện Mộc Châu;
- UBND xã T, huyện M, Tỉnh Sơn La;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Anh Đức